

Triển vọng đầu tư khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng, đánh bắt tôm nước mặn lợ

DINH VĂN ƯU

Các số liệu điều tra khảo sát cho thấy điều kiện tự nhiên các đầm, phá ven biển nước ta chưa được tiềm năng lớn và nuôi trồng tôm nước mặn lợ. Nếu đầu tư KHKT cho ngành kinh tế có giá trị xuất khẩu cao này cùng với những phương án sản xuất thích hợp, có thể vừa thâm canh vừa mở rộng diện tích đạt mức sản lượng tôm xuất khẩu vài vạn tấn/năm.

TRONG những năm gần đây, con tôm đã trở thành vật nuôi có giá trị kinh tế cao đối với các đầm, ao nuôi hải sản trên khắp thế giới. Với điều kiện môi trường thuận lợi, chỉ cần sau khoảng sáu tháng của con tôm đã phát triển đạt kích thước thương phẩm. Nhu cầu tiêu thụ tôm trên thị trường thế giới cũng đã tăng lên một cách đáng kể, chỉ tính riêng 15 nước nhập khẩu chính, trong giai đoạn từ 1977 đến 1983, lượng tôm nhập tăng hơn 25% với tổng ngoại tệ trao đổi tăng khoảng 65%. Các nước xuất khẩu chính như Mexico hàng năm sản xuất 38 000 tấn, Ecuador 23 000 tấn và Ấn Độ gần 14 000 tấn.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa với 3000 kilômét bờ biển, chúng ta có một tiềm năng tự nhiên vô cùng phong phú trong chiến lược kinh tế biển nói chung, cũng như trong điều kiện phát triển đánh bắt, nuôi tôm và hải sản nước mặn lợ nói riêng. Nhiệt độ nước trung bình ở đây vào tháng thấp nhất không mấy khi thấp hơn 17 - 18°, cùng với các chất dinh dưỡng dồi dào, là điều kiện rất quan trọng cho việc khai thác, nuôi trồng hải sản ven biển phát triển theo hướng thâm canh và bán thâm canh, tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Tuy nhiên với hệ thống sông ngòi, kênh rạch khá dày đặc, mưa lớn lại tập trung trong một

mùa nên suốt năm diện tích vùng nước có độ mặn thích hợp cho các loài hải sản như tôm, rong câu v.v... luôn biến động và nằm ở những khu vực ít có khả năng chủ động thâm canh tăng năng suất.

Kinh nghiệm thâm canh và bán thâm canh nuôi tôm trong những năm gần đây trên thế giới trong đó có các nước Nam và Đông Nam Á, đã thu được nhiều kết quả to lớn. Năng suất nuôi tôm bán thâm canh ở Đài Loan đã đạt từ 4 tấn/ha năm. Ở Nhật Bản năng suất nuôi tôm thâm canh đã lên tới 28 tấn/ha, năm. Trong khi ở nước ta nhiều vùng thu hoạch chỉ đạt dưới 50 đến 100 kg/ha, năm, nơi cao nhất cũng không quá 500kg/ha năm.

Các số liệu điều tra khảo sát nhiều năm cho thấy tại các đầm, phá, rìa khai thác hải sản dọc cửa sông, kênh rạch, ven biển nước ta vào mùa mưa độ mặn trong nước thường xuyên xuống thấp hơn 10g/l lít thậm chí nhỏ hơn 1 - 2g/lít và nồng độ oxy hòa tan trong nước nhiều lúc ít hơn 3mg/l, tạo ra môi trường hoàn toàn không thích hợp đối với tôm cũng như rong câu và các loài hải sản nước mặn, lợ khác. Trong điều kiện đó các sinh vật nuôi trồng không những không phát triển bình thường được, mà khả năng giữ giống qua mùa mưa hầu như cũng không có.

Như vậy, vấn đề đặt ra trước mắt là cần hạn chế mức độ ngẹt hóa nước tại các thủy vực

nuôi trồng. Việc cải tạo cần phải đi đôi với việc bảo vệ điều kiện môi trường tự nhiên suốt năm, tạo khả năng tăng trọng, tăng vụ nuôi trồng. Phải đồng thời tạo ra điều kiện thích hợp độ lượng nước tự nhiên ven biển, giảm chất dinh dưỡng và độ muối cao xâm nhập tối đa vào đầm, ao trong từng thời vụ sản xuất nhất định.

Theo hai hướng trên chúng ta đã tích lũy xây dựng các cơ sở khoa học cho phép tạo ra các mô hình sản xuất đối với từng khu vực với điều kiện cụ thể và khả năng đầu tư khác nhau trên phương hướng sử dụng tối đa các mặt tích cực của điều kiện tự nhiên đa dạng và phong phú vốn có. Bên cạnh việc duy trì các chỉ tiêu hóa lý nước thích hợp, vấn đề đổi mới thường xuyên lượng nước trong các ao, đầm ria nuôi là một nhu cầu không thể thiếu được đối với con tôm và phần lớn loài hải sản kinh tế khác.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, khả năng xây dựng các trạm bơm cấp và tiêu nước rất hạn chế — chủ yếu mới được phục vụ cho các khâu sản xuất giống thì việc có một hệ thống các cống, máng hợp lý là một điều cần được tính toán kỹ trước khi tiến hành triển khai xây dựng các đầm nuôi. Hệ thống cống máng này cần được kết hợp với một chế độ đóng, mở phù hợp với khả năng xây dựng các đê bao có tính đến tuổi thọ tối đa của các công trình này. Thời gian vừa qua, tại các vùng có biên độ triều lớn với vùng ngập triều rộng như vùng cửa sông miền Bắc và Nam Bộ, các khu vực khai thác với diện tích hàng trăm héc ta thường được xây bao với một vòng đê kiên cố, sau đó được phân chia thành các lô phụ nhỏ. Hệ thống cống, máng ở đây thường không thể đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trên, thời gian sử dụng của

chúng thông thường chỉ một vài năm nên rất tốn kém lãng phí.

Trong điều kiện chưa thể áp dụng biện pháp thâm canh thì qui mô các đầm, ao nuôi không nên vượt quá 40 — 50 ha với ít nhất 2 cống, máng xây phục vụ lấy giống và chuyển đổi nước với sông, biển. Trong các khu vực này có thể dùng các loại đê, sáo phân chia các lô nuôi trồng từng loại xen kẽ nhau, cho phép tự do lưu thông nước duy trì môi trường thích hợp đối với các vật nuôi và cây trồng.

Hiện tại, khi nguồn tôm giống đã có triển vọng chủ động, thì việc đầu tư chiều sâu ở các khu vực có đầm, phá nước lợ cần được tập trung theo hướng thâm canh và bán thâm canh dựa trên cơ sở duy trì và tạo môi trường nuôi tối ưu. Với qui mô từ dưới một ha đến 10 ha, có thể mở rộng xây dựng các ao, đầm nuôi tôm dọc bờ sông, biển, kênh rạch với hệ thống các đê, đập bán kiên cố và một vài cống, máng thủ công. Tại các khu vực này có thể tạo và giữ giống tôm, như một số nơi đã làm. Đây là một dạng đầu tư cho phép hoàn vốn nhanh nhất; vì vậy các vùng nước mặn lợ ven bờ nên tập trung trước mắt cho con tôm, tạo nhanh nguồn hàng xuất khẩu có giá trị góp phần thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế theo tinh thần nghị quyết Đại hội 6 của Đảng.

Để làm được việc này cần tăng cường liên doanh liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu và triển khai khoa học kỹ thuật, với các địa phương có tiềm năng thiên nhiên, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất khẩu hải sản. Mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, chúng ta có thể mở rộng diện tích kết hợp với thâm canh tăng năng suất dựa sản lượng tôm xuất khẩu trong thời gian tới lên vài vạn tấn/năm.

Biên tập: Ngô Tiến Pháo

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC...

(Tiếp theo trang 34)

3) Nhà nước cần cấp vốn cho công việc bảo quản quặng loại 3 (xây dựng kho bãi chứa, theo dõi thống kê).

4. Trong khi chưa có nhà máy tuyển quặng loại 3 nên khai thác quặng loại 2 ở mức sản lượng 200 — 300 ngàn tấn/năm. Đây là một trong những biện pháp để giảm tổn thất quặng loại 3.

5. Về lĩnh vực nghiên cứu công nghệ khai thác và công nghệ chế biến nên chú ý đến:

— Phương pháp khai thác lộ thiên quặng loại 1 và quặng loại 3 đến chiều sâu hợp lý.

— Phương pháp và công nghệ khai thác quặng loại 2 và quặng loại 4, công nghệ chế biến sử dụng quặng loại 2 và quặng loại 4.

6. Chương trình 14-01 trong kế hoạch 81 — 85 “nghiên cứu áp dụng công nghệ có hiệu quả để

khai thác và sử dụng tổng hợp quặng Apatit Lào Cai” có 1 số đề tài đã được tổng kết, các đề tài: chống tổn thất và nghèo quặng trong khai thác Apatit; nghiên cứu sản xuất phân lân nung chảy đã thu được những kết quả tốt có nhiều kiến nghị hợp lý. Chúng tôi thấy cần được tổ chức thực hiện trong sản xuất.

7. Cần tổng kết đầy đủ và toàn diện về các vấn đề địa chất, công nghệ khai thác, công nghệ chế biến và sử dụng các loại quặng Apatit trên cơ sở kinh-tế kỹ thuật và khoa học sẽ là một công trình quan trọng và thiết thực nhằm đáp ứng cho yêu cầu thăm dò địa chất và khai thác trước mắt cũng như lâu dài ở bể Apatit Lào Cai.

Biên tập: Đỗ Thanh Thảo